

Số: /2025/TT-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thức ăn thủy sản và sản phẩm
xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

1. Thức ăn thủy sản. Phần 1: Thức ăn hỗn hợp

Ký hiệu: **QCVN 93:2025/BNNMT.**

2. Thức ăn thủy sản. Phần 2: Chất bổ sung (Thức ăn bổ sung)

Ký hiệu: **QCVN 94:2025/BNNMT.**

3. Thức ăn thủy sản. Phần 3: Thức ăn tươi sống

Ký hiệu: **QCVN 100:2025/BNNMT.**

4. Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Phần 1: Hóa chất, chế phẩm sinh học

Ký hiệu: **QCVN 97:2025/BNNMT.**

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 07/2019/TT-BNNPTNT ngày 07/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thức ăn thủy sản (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2019/TT-BNNPTNT), Thông tư số 08/2019/TT-BNNPTNT ngày 09/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2019/TT-BNNPTNT).

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã nộp Đăng ký chứng nhận hợp quy trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Thông tư số 07/2019/TT-BNNPTNT, Thông tư số 08/2019/TT-BNNPTNT.

Trường hợp quy định tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư này thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân thì thực hiện theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

2. Hiệu lực của Giấy chứng nhận, Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm sản xuất trong nước đã ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

a) Giấy chứng nhận, Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy có ghi hiệu lực thì tiếp tục sử dụng đến hết hiệu lực ghi trên Giấy, Thông báo, nhưng phải thực hiện đánh giá giám sát 12 tháng/lần theo quy định tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư này, không cấp lại Giấy chứng nhận.

b) Giấy chứng nhận, Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy không ghi hiệu lực thì tiếp tục sử dụng 24 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Tổ chức chứng nhận đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo Thông tư số 07/2019/TT-BNNPTNT, Thông tư số 08/2019/TT-BNNPTNT.

Trường hợp quy định tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư này thuận lợi hơn cho tổ chức chứng nhận thì thực hiện theo đề nghị của tổ chức chứng nhận.

4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận, Quyết định chỉ định còn hiệu lực tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận, Quyết định chỉ định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Thủy sản và Kiểm ngư) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các tổ chức chính trị-xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo CP; Cổng Thông tin điện tử CP; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, TSKN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến